ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG 6

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ THỊ QUẬN 11

(Ban hành kèm theo Quyết định số 316/2004/QĐ-UB ngày 24 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	*2*	*3*	*4*	*5*
1	ÂU CƠ	BÌNH THỚI	RANH QUẬN TÂN BÌNH	7.200
2	BÌNH DƯƠNG THI XÃ	ÂU CƠ	ÔNG ÍCH KHIÊM	3.600
3	BÌNH THỚI	LÊ ĐẠI HÀNH	MINH PHỤNG	6.000
		MINH PHỤNG	LẠC LONG QUÂN	4.800
4	CÁC ĐƯỜNG CÒN LẠI TRONG CƯ XÁ LỮ GIA			4.800
5	CÔNG CHÚA NGỌC HÂN	TRỌN ĐƯỜNG		4.800
6	ĐẶNG MINH KHIÊM	TRỌN ĐƯỜNG		4.300
7	ĐÀO NGUYÊN PHỔ	TRỌN ĐƯỜNG		4.300
8	ĐỖ NGỌC THẠNH	TRỌN ĐƯỜNG		4.800
9	ĐỘI CUNG (QUÂN SỰ CŨ)	TRỌN ĐƯỜNG		4.800
10	ĐƯỜNG 100 BÌNH THỚI	BÌNH THỚI	HẺM 86 ÔNG ÍCH KHIÊM	4.300
11	ĐƯỜNG 281 LÝ THƯỜNG KIỆT	LÝ THƯỜNG KIỆT	NGUYỄN THỊ NHỎ	4.800
12	ĐƯỜNG 3/2	LÝ THƯỜNG KIỆT	LÊ ĐAI HÀNH	12.100
		LÊ ĐẠI HÀNH	MINH PHỤNG	11.000
13	ĐƯỜNG 702 HỒNG BÀNG	HỒNG BÀNG	DỰ PHÓNG	4.100
14	ĐƯỜNG 762 HỒNG BÀNG	HỒNG BÀNG	LẠC LONG QUÂN (NỐI DÀI)	3.600
15	ĐƯỜNG SỐ 2 CƯ XÁ LỮ GIA	ĐƯỜNG 52 CƯ XÁ LỮ GIA	LÝ THƯỜNG KIỆT	6.000
16	ĐƯỜNG SỐ 2, 5, 9	CƯ XÁ BÌNH THỚI		4.300
17	ĐƯỜNG SỐ 3 CƯ XÁ LỮ GIA	LÝ THƯỜNG KIỆT	NGUYỄN THỊ NHỎ	6.000
18	ĐƯỜNG SỐ 3, 7	CƯ XÁ BÌNH THỚI		4.300
19	D ĐƯỜNG SỐ 3A	CƯ XÁ BÌNH THỚI		3.600
20	ĐƯỜNG SỐ 4,6,8	CƯ XÁ BÌNH THỚI		3.600
21	ĐƯỜNG SỐ 5A	CƯ XÁ BÌNH THỚI		3.600
22	ĐƯỜNG SỐ 7A	CƯ XÁ BÌNH THỚI		3.600
23	DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ	TRỌN ĐƯỜNG		6.000
24	DƯƠNG TỬ GIANG	TRỌN ĐƯỜNG		4.800
25	HÀ TÔN QUYỀN	TRỌN ĐƯỜNG		4.800

SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	*2*	*3*	*4*	*5*
26	HÀN HẢI NGUYÊN	TRỌN ĐƯỜNG		7.200
27	HÀN HẢI NGUYÊN (NỐI DÀI)	PHÚ THỌ	CUỐI ĐƯỜNG	4.300
28	HỒNG BÀNG	NGUYỄN THỊ NHỎ	TÂN HÓA	12.000
29	HOÀNG ĐỨC TƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		4.300
30	HÒA BÌNH	LẠC LONG QUÂN	RANH QUẬN TÂN BÌNH	8.000
31	HÒA HẢO	TRỌN ĐƯỜNG		8.200
32	HUYỆN TOẠI	TRỌN ĐƯỜNG		3.600
33	KHUÔNG VIỆT	TRỌN ĐƯỜNG		4.800
34	LẠC LONG QUÂN	LẠC LONG QUÂN (NỐI DÀI)	HÒA BÌNH	6.000
		HÒA BÌNH	ÂU CƠ	7.200
35	LẠC LONG QUÂN (NỐI DÀI)	TRỌN ĐƯỜNG		4.800
36	LÃNH BINH THĂNG	ĐƯỜNG 3/2	BÌNH THỚI	7.200
37	LÊ ĐẠI HÀNH	NGUYỄN CHÍ THANH	ĐƯỜNG 3/2	7.200
		ĐƯỜNG 3/2	BÌNH THỚI	10.500
38	LÊ THỊ BẠCH CÁT	TRỌN ĐƯỜNG		4.800
39	LÊ TUNG	TRỌN ĐƯỜNG		3.900
40	LỮ GIA	LÝ THƯỜNG KIỆT	NGUYỄN THỊ NHỎ	10.000
41	LÒ SIÊU	QUÂN SỰ	ĐƯỜNG 3/2	4.800
		ĐƯỜNG 3/2	HỒNG BÀNG	6.000
42	LÝ NAM ĐẾ	ĐƯỜNG 3/2	NGUYỄN CHÍ THANH	7.200
43	LÝ THƯỜNG KIỆT	THIÊN PHƯỚC	NGUYỄN CHÍ THANH	12.100
44	MINH PHỤNG	TRỌN ĐƯỜNG		9.000
45	NGUYỄN BÁ HỌC	TRỌN ĐƯỜNG		4.800
46	NGUYỄN CHÍ THANH	LÝ THƯỜNG KIỆT	LÊ ĐẠI HÀNH	10.500
		LÊ ĐẠI HÀNH	NGUYỄN THỊ NHỎ	9.000
		NGUYỄN THỊ NHỎ	ĐƯỜNG 3/2	7.200
47	NGUYỄN THỊ NHỎ	ĐƯỜNG 3/2	HỒNG BÀNG	9.000
48	NGUYỄN THỊ NHỎ (NỐI DÀI)	BÌNH THỚI	THIÊN PHƯỚC	6.500
49	NGUYỄN VĂN PHU	TRỌN ĐƯỜNG		3.600
50	NHẬT TẢO	LÝ THƯỜNG KIỆT	LÝ NAM ĐẾ	7.200
		LÝ NAM ĐẾ	CUỐI ĐƯỜNG	4.800
51	ÔNG ÍCH KHIÊM	TRỌN ĐƯỜNG		9.200
52	PHAN XÍCH LONG	TRỌN ĐƯỜNG		6.000
53	PHÓ CƠ ĐIỀU	ĐƯỜNG 3/2	TRẦN QUÝ	9.000
		TRẦN QUÝ	NGUYỄN CHÍ THANH	7.500
54	PHÚ THỌ	TRỌN ĐƯỜNG		6.000
55	QUÂN SỰ	TRỌN ĐƯỜNG		3.600
56	TÂN HÓA	TRỌN ĐƯỜNG		4.000
57	TÂN KHAI	TRỌN ĐƯỜNG		4.800

SỐ TT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	*2*	*3*	*4*	*5*
58	TÂN PHƯỚC	LÝ THƯỜNG KIỆT	LÝ NAM ĐẾ	4.800
		LÊ ĐẠI HÀNH	LÊ THỊ RIÊNG	6.000
59	TÂN THÀNH	NGUYỄN THỊ NHỎ	LÒ SIÊU	4.800
60	TẠ UYÊN	TRỌN ĐƯỜNG		8.400
61	THÁI PHIÊN	ĐỘI CUNG	ĐƯỜNG 3/2	4.800
		ĐƯỜNG 3/2	HỒNG BÀNG	6.000
62	THIÊN PHƯỚC	NGUYỄN THỊ NHỎ (NỐI DÀI)	LÝ THƯỜNG KIỆT	4.800
63	THUẬN KIỀU	TRỌN ĐƯỜNG		7.200
64	TÔN THẤT HIỆP	TRỌN ĐƯỜNG		6.000
65	TỔNG LUNG	TRỌN ĐƯỜNG		3.900
66	TỐNG VĂN TRÂN	TRỌN ĐƯỜNG		4.800
67	TRẦN QUÝ	LÊ ĐẠI HÀNH	TẠ UYÊN	7.200
		TẠ UYÊN	NGUYỄN THỊ NHỎ	6.000
68	TRỊNH ĐÌNH TRỌNG	ÂU CƠ	TỐNG VĂN TRÂN	3.500
69	TUỆ TĨNH	TRỌN ĐƯỜNG		5.300
70	VĨNH VIỄN	TRỌN ĐƯỜNG		6.000
71	XÓM ĐẤT	TRỌN ĐƯỜNG		4.500